

BẢNG ĐIỂM KỲ THI

CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO

Ngày Thi: 13/7/2025

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
1	BKNC7261	Nguyễn Phương	Anh	29/11/2004	Bến Tre	10.0	9.5	9.5	9.0	9.33	Đạt	
2	BKNC7262	Viên Ngọc Minh	Anh	10/10/2005	Cần Thơ	9.67	9.5	9.5	9.5	9.5	Đạt	
3	BKNC7263	Hoàng Nguyệt	Ánh	17/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6.67	7.0	8.0	1.5	5.5	Không đạt	
4	BKNC7264	Hà Thị Bảo	Chân	10/12/2004	Gia Lai	9.0	9.0	9.0	8.5	8.83	Đạt	
5	BKNC7265	Lê Bảo	Châu	23/12/2003	Gia Lai	4.67	7.0	6.0	1.0	4.67	Không đạt	
6	BKNC7266	Vũ Thị Kiều	Diễm	11/10/2004	Nam Định	8.0	9.0	9.0	7.0	8.33	Đạt	
7	BKNC7267	Phạm Ngọc Tố	Duyên	23/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	8.0	8.0	9.0	8.33	Đạt	
8	BKNC7268	Tạ Thị Duy	Hân	06/11/2003	Bình Thuận	9.33	9.0	8.0	8.0	8.33	Đạt	
9	BKNC7269	Trương Gia	Hân	09/08/2004	Bến Tre	9.0	9.0	8.0	6.5	7.83	Đạt	
10	BKNC7270	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	02/06/2005	Đắk Lắk	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0	Đạt	
11	BKNC7271	Dương Công	Huy	01/02/2004	Đồng Nai	8.33	9.0	9.0	9.5	9.17	Đạt	
12	BKNC7272	Lê Khả	Kim	02/06/2005	Ninh Thuận	10.0	10.0	9.5	9.5	9.67	Đạt	
13	BKNC7273	Phan Thị Ngọc	Lan	09/08/2004	Long An	10.0	9.0	8.0	10.0	9.0	Đạt	
14	BKNC7274	Hà Thị Xuân	Mai	09/10/2004	Kiên Giang	9.67	9.5	9.5	9.5	9.5	Đạt	
15	BKNC7275	Nguyễn Thị Thanh	Mai	09/08/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	8.5	7.5	7.0	7.67	Đạt	
16	BKNC7276	Dương Văn	Mẫn	02/02/2002	An Giang	6.0	6.0	5.0	2.0	4.33	Không đạt	
17	BKNC7277	Cao Thị Diễm	My	03/11/2000	Ninh Thuận	9.67	7.5	5.0	5.0	5.83	Đạt	
18	BKNC7278	Hà Thị Trà	My	10/12/2004	Gia Lai	9.67	9.0	8.0	9.0	8.67	Đạt	
19	BKNC7279	Nguyễn Tấn	Nhật	19/02/2004	Quảng Ngãi	9.33	0.0	0.0	0.0	0.0	Không đạt	File không nội dung
20	BKNC7280	Hoàng Ngọc Ý	Nhi	18/11/2005	Thừa Thiên Huế	9.0	9.5	9.0	9.0	9.17	Đạt	
21	BKNC7281	Bùi Nguyễn Thu	Nhiều	24/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	9.0	9.0	10.0	9.33	Đạt	
22	BKNC7282	Trần Nguyễn Hồng	Nhung	30/04/2005	Đồng Nai	10.0	8.0	9.5	6.0	7.83	Đạt	
23	BKNC7283	Đoàn Phạm Mai	Phương	27/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	8.0	7.0	7.0	7.33	Đạt	
24	BKNC7284	Nguyễn Đặng Thanh	Phương	14/06/2001	Đồng Nai	6.67	8.0	1.0	5.0	4.67	Không đạt	
25	BKNC7285	Nguyễn Đồng Trúc	Phương	17/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	8.0	8.0	9.0	8.33	Đạt	
26	BKNC7286	Cao Ngọc Khánh	Quỳnh	05/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.5	8.5	9.5	9.17	Đạt	
27	BKNC7287	Phan Kiều Diễm	Quỳnh	16/10/2004	Đắk Lắk	9.0	8.0	8.0	8.0	8.0	Đạt	
28	BKNC7288	Trần Thanh	Tân	09/03/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	10.0	9.5	9.5	9.67	Đạt	
29	BKNC7289	Phạm Ngọc Chiến	Thắng	04/04/1996	Đồng Nai	6.0	7.0	9.0	6.0	7.33	Đạt	
30	BKNC7290	Đinh Thị Phương	Thảo	03/09/2004	Quảng Bình	9.33	8.0	9.0	8.0	8.33	Đạt	
31	BKNC7291	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	27/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.0	9.0	7.5	8.5	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
32	BKNC7292	Trần Thị Ngọc	Thảo	13/11/2005	Bến Tre	8.33	10.0	9.0	8.5	9.17	Đạt	
33	BKNC7293	Lý Phương	Thoa	16/10/2004	Đồng Nai	9.67	10.0	9.0	9.5	9.5	Đạt	
34	BKNC7294	Nguyễn Lê Anh	Thư	16/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	10.0	9.5	9.5	9.67	Đạt	
35	BKNC7295	Đặng Cẩm	Thương	11/06/2005	Tiền Giang	10.0	9.0	8.5	9.0	8.83	Đạt	
36	BKNC7296	Trần Duy	Tiên	09/11/2004	Bắc Ninh	8.67	9.0	9.0	9.5	9.17	Đạt	
37	BKNC7297	Lê Kiều Bích	Trâm	08/02/2010	Đồng Nai	6.0	6.0	5.5	5.0	5.5	Đạt	
38	BKNC7298	Nguyễn Thị Kiều	Trình	13/01/2004	Đắk Lắk	8.0	7.0	8.0	6.0	7.0	Đạt	
39	BKNC7299	Lê Thị Cẩm	Tú	14/05/2003	Bình Phước	7.33	5.0	5.0	5.0	5.0	Đạt	
40	BKNC7300	Quản Thị	Tuyền	02/03/1999	Cà Mau	7.67	9.0	8.5	7.0	8.17	Đạt	
41	BKNC7301	Nguyễn Huỳnh Phương	Uyên	26/01/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	10.0	9.5	9.5	9.67	Đạt	
42	BKNC7302	Trần Đức	Việt	13/02/2004	Bình Thuận	8.67	7.0	8.0	7.0	7.33	Đạt	
43	BKNC7303	Nguyễn Hoàng Phương	Vy	23/07/2011	Đồng Nai	9.33	7.0	5.0	5.0	5.67	Đạt	
44	BKNC7304	Nguyễn Thị Thúy	Vy	20/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	9.0	9.0	9.0	9.0	Đạt	
45	BKNC7305	Nguyễn Phạm Hoàng	Yến	02/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	9.0	9.0	9.0	9.0	Đạt	
46	BKNC7306	Trần Thị Bảo	Yến	21/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	9.0	7.0	2.0	6.0	Không đạt	

Ghi chú: Kết quả Đạt: Điểm trắc nghiệm (Điểm TN)>=5 và Điểm thực hành 3 mô đun >=5

Số lượng thí sinh:46Số thí sinh đạt:40

Số lượng hiện diện:46

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam